

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HS-ST
Ngày 28-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2023, đối với:

***Bị cáo:** **Trần Duy Thsinh** ngày 01/8/1984 tại: huyện B, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH may Th T; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy C (đã chết) và bà Trần Thị L; vợ là Trần Thị Hồng D; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

Bị cáo được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984 và chị Vũ Thị Hồng H1, sinh năm 1987; đều trú tại: Thôn C2, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2022, bị cáo Trần Duy Th thành lập Công ty TNHH may Th T (sau đây viết tắt là Công ty may Th T), địa chỉ tại thôn T1, xã S, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty may Th T gồm 02 thành viên góp vốn là Trần Duy Th- Chủ tịch Hội đồng thành viên và anh Đặng Văn T1 - Tổng giám đốc. Tháng 10/2022, Th thay đổi lại cơ cấu công ty

theo đó bị cáo Th là Giám đốc, còn anh T1 là Phó Giám đốc, bị cáo Th làm cho anh T1 một dấu chức danh Phó Giám đốc. Tháng 01/2023, anh T1 nghỉ việc, bị cáo Th thuê anh Trần Phương N làm Phó Giám đốc công ty.

Tháng 01/2023, Công ty may Th T làm ăn thua lỗ, để có tiền trả lương cho công nhân, bị cáo Th vay của chị Vũ Thị Hồng H1 là công nhân của Công ty may Th T 30.000.000đ, hẹn đến ngày 22/01/2023 sẽ trả nhưng đến hẹn bị cáo không có tiền nên đã xin chị H1 cho khất lại. Sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H1. Bị cáo nói dối chị H1 là bị cáo là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH xuất nhập khẩu lao động Hoàng Long (gọi tắt là Công ty Hoàng Long), có địa chỉ tại thành phố Hà Nội chuyên đưa người đi lao động tại các nước như Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản. Bị cáo đã nói dối chị H1 là Công ty Hoàng Long đang có đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, công việc đóng cơm hộp, mức thu nhập khoảng 60.000.000 đồng/tháng, chi phí để được đi xuất khẩu lao động là 250.000.000 đồng, lịch bay vào tháng 4/2023. Chị H1 tin tưởng bị cáo nên đã về bàn bạc với chồng của chị là anh Nguyễn Văn Tr, anh Tr đồng ý và anh Tr cũng muốn đi lao động xuất khẩu nên cả hai vợ chồng đã nhờ bị cáo Th làm thủ tục cho cả hai vợ chồng chị đi lao động xuất khẩu. Sau khi được chị H1 và anh Tr nhờ, để anh Tr và chị H1 tin, bị cáo đã giả vờ khuyên anh Tr nên đi cùng chị H1 và thúc giục vợ chồng anh Tr chuẩn bị tiền, nếu còn thiếu thì bị cáo sẽ tạm ứng trước nên anh Tr đã đồng ý. Bị cáo yêu cầu anh Tr, chị H1 mỗi người làm một bộ hồ sơ xin việc để nộp cho bị cáo. Ngày 12/02/2023, bị cáo lấy lý do phải đặt cọc hợp đồng đi xuất khẩu lao động nên yêu cầu vợ chồng anh Tr chuyển mỗi người 10.000.000 đồng. Do không lo được đủ tiền nên anh Tr nói với bị cáo là sẽ chuyển cho bị cáo 10.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng trừ vào 30.000.000 đồng bị cáo còn nợ chị của chị H1, bị cáo đồng ý và hẹn anh Tr đến một quán nước ở khu vực ngã ba Ba La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để nộp tiền và hồ sơ. Cùng ngày, anh Tr đến điểm hẹn sử dụng số tài khoản 0977131555 mở tại Ngân hàng MBBank của anh Tr chuyển đến tài khoản số 181983888 mở tại Ngân hàng VIB của bị cáo Th 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền và 2 bộ hồ sơ của anh Tr, bị cáo có ký xác nhận và bị cáo viết cho anh Tr, chị H1 mỗi người một phiếu thu 10.000.000 đồng nội dung thu tiền cọc đơn hàng cơm hộp tại Hàn Quốc, bị cáo yêu cầu anh Tr ký xác nhận nộp tiền. Sau đó, bị cáo rút 10.000.000 đồng tại cây ATM ở xã S, huyện Đ2, chỉ tiêu cá nhân hết.

Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh Tr, bị cáo Th lên mạng Internet tìm kiếm mẫu hợp đồng lao động sau đó tự soạn thảo hợp đồng lao động với nội dung Công ty Hoàng Long có địa chỉ tại số 79D, đường Nguyễn Tất Thiêm, thành phố Hà Nội, điện thoại 0964.476.955, số tài khoản 5559992222222 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Quân đội ký hợp đồng lao động với anh Nguyễn Văn Tr và chị Vũ Thị Hồng H1 trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/4/2028 với mức lương 62.000.000 đồng/tháng. Trong bản

hợp đồng này, tên và địa chỉ công ty do bị cáo tự nghĩ ra, số điện thoại 0964.476.955 không phải của bị cáo mà do bị cáo lấy từ mạng Internet, còn số tài khoản 55599922222222 là số tài khoản của công ty Th T . Sau khi soạn thảo Hợp đồng lao động, bị cáo in làm 04 bản (anh Tr 02 bản, chị H102 bản) đưa cho anh Tr, đồng thời hẹn anh Tr đến ngã ba Ba La, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để ký hợp đồng. Sau khi đọc bản hợp đồng, anh Tr ký tên, điền chỉ vào hợp đồng và ký thay chị H1 vào hợp đồng của chị H1 . Bị cáo cũng ký tên mình vào mục “Người sử dụng lao động” của 04 hợp đồng rồi bị cáo nói là phải giữ lại hợp đồng để mang về công ty làm thủ tục nên không giao cho anh Tr. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo yêu cầu vợ chồng anh Tr mỗi người phải nộp 170.000.000 đồng (tương đương với 70% giá trị hợp đồng). Anh Tr nói với bị cáo là chưa có tiền nên bị cáo nói sẽ cho vợ chồng anh Tr vay. Để anh Tr tin tưởng, bị cáo lấy ra quyển phiếu thu trước đây viết tiếp vào 02 phiếu thu, mỗi phiếu thu thể hiện nhận của vợ chồng anh Tr 170.000.000 đồng với nội dung thu tiền lệ phí đi Hàn Quốc; bị cáo ký xác nhận vào hai phiếu thu này và yêu cầu anh Tr ký xác nhận và ký hộ chị H1 .

Ngày 24/02/2023, bị cáo lấy lý do phải nộp tiền mua vé máy bay và chỉ đơn hàng để yêu cầu vợ chồng anh Tr phải nộp cho bị cáo 100.000.000 đồng. Do không đủ tiền nên vợ chồng anh Tr thỏa thuận sẽ đưa cho bị cáo 80.000.000 đồng nhưng sẽ trừ 20.000.000 đồng vào tiền mà bị cáo còn nợ chị H1 , bị cáo đồng ý; anh Tr chuyển 60.000.000 đồng vào tài khoản 181983888 của bị cáo Th mở tại Ngân hàng VIB. Sau khi nhận được tiền, bị cáo chuyển 40.000.000 đồng cho anh Trần Phương N là Phó Tổng Giám đốc Công ty may Th T để trả nợ tiền lương cho công nhân, số tiền còn lại bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đầu tháng 3/2023, bị cáo Th yêu cầu anh Tr, chị H1 đi khám sức khỏe để hoàn thiện thủ tục đưa vào hồ sơ, khi đi khám sức khỏe chị H1 phát hiện bị viêm gan B nên thông báo cho bị cáo biết. Bị cáo yêu cầu chị H1 lên Bệnh viện đa khoa Trảng An ở Thành phố Hà Nội để xét nghiệm lại nhưng kết quả chị H1 vẫn bị viêm gan B. Lợi dụng việc này, bị cáo yêu cầu vợ chồng anh Tr đưa cho Thắng 15.000.000 đồng để “chạy” làm giấy khám sức khỏe cho chị H1 không bị viêm gan B. Để vợ chồng anh Tr tin tưởng, bị cáo đưa lại cho vợ chồng anh Tr 02 bộ hồ sơ nộp cho bị cáo từ trước, trong đó bị cáo đã ký xác nhận vào từng tài liệu để thể hiện việc đã tiếp nhận hồ sơ và hồ sơ đã đủ điều kiện được tuyển đơn hàng. Tại trang đầu tiên trong sơ yếu lý lịch của chị H1, bị cáo ký và viết nội dung: “Xác nhận Cty lao động XNLD công nhận thi tuyển ngày 9/3/2023. Đỗ tuyển đơn hàng”; tại bản sao căn cước công dân của anh Tr, bị cáo Ký và viết nội dung: “Cty TNHH: Xác nhận. Phó Tổng Giám đốc công ty lao động tại Hàn xác nhận MS: 034084015809. Đã đầy đủ hồ sơ”. Từ ngày 10/3/2023 đến ngày 16/3/2023, tại nơi ở của mình ở thôn Cổ Dũng 2, xã Đông La, anh Tr nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng 181983888 của bị cáo với tổng số tiền là 16.500.000 đồng (

trong đó: 15.000.000 đồng để bị cáo “chạy” giấy khám sức khỏe cho chị H1 , còn 1.500.000 đồng nhờ bị cáo mua thuốc điều trị viêm gan B cho chị H1). Sau khi nhận được tiền, bị cáo sử dụng 1.500.000 đồng mua một số thuốc điều trị viêm gan B cho chị H1 , còn 15.000.000 đồng bị cáo trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/3/2023, bị cáo yêu cầu chị H1 đến trường Trung cấp Kinh tế - Tài chính Hà Nội để làm thủ tục học tiếng Hàn Quốc, nhưng do không làm bất kỳ thủ tục nhập học cho chị H1 nên đến khoảng 16 giờ cùng ngày bị cáo mới đến và nói dối mới nhận được thông tin người đi lao động Hàn Quốc không phải đi học tiếng Hàn, chỉ du học sinh mới phải học. Từ thời điểm này, vợ chồng anh Tr bắt đầu nghi ngờ, yêu cầu Thắng đưa đến Công ty Hoàng Long nhưng Công ty Hoàng Long không có thật nên bị cáo đưa ra nhiều lý do để trì hoãn.

Ngày 24/3/2023, bị cáo hẹn anh Tr đến ngã ba Ba La, Hà Nội lấy thuốc. Tại đây, anh Tr thông báo không đi lao động tại Hàn Quốc nữa, yêu cầu Thắng trả lại tiền. Do không có tiền trả nên anh Tr viết một giấy giao nhận tiền 150.000.000 đồng, nội dung: Đặt tiền cọc đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, lý do anh Tr viết 150.000.000 đồng là do yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho 35.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và ký tên xác nhận vào giấy giao nhận tiền. Anh Tr yêu cầu bị cáo phải tự tay viết một giấy biên nhận khác, bị cáo tự viết một giấy mượn tiền cũng có nội dung bị cáo nhận của vợ chồng anh Tr 150.000.000 đồng tiền đóng đi nước ngoài, hẹn đến ngày 28/3/2023 sẽ trả tiền cho vợ chồng anh Tr. Anh Tr hỏi bị cáo đã sử dụng tiền vào những việc gì thì bị cáo nói dối là đã đưa cho một người đàn ông tên K để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động. Ngày 26/3/2023 và ngày 27/3/2023, bị cáo đưa anh Tr đến trụ sở của một công ty ở Hà Nội nói dối đây là trụ sở của Công ty Hoàng Long. Khi anh Tr hỏi bảo vệ về anh Kỳ thì được biết công ty này không có ai tên là Kỳ. Biết bị bị cáo lừa, nên ngày 21/4/2023, anh Tr đã đến cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình tố cáo hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của bị cáo Th .

Bản Kết luận giám định số 662/KL-KTHS ngày 31/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Duy Th dưới các mục: “Người Nhận tiền”, “NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (ký tên và đóng dấu)” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của Trần Duy Th trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.*

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Duy Th từ dòng 19 đến dòng 24 trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Trần Duy Th trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.” (bút lục số 161, 162)

Bản Kết luận giám định số 947/KL-KTHS ngày 09/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận:

“Chữ ký dưới mục “Giám đốc” trên trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4; dưới mục “NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG” và tại góc dưới bên phải các trang trên các mẫu cần giám định ký hiệu A5, A6; chữ ký mang tên Trần Duy Th trên các mẫu cần giám định ký hiệu A7, A9; chữ ký phía trên góc dưới bên phải mẫu cần giám định ký hiệu A8; chữ ký dưới mục “Người Bảo lãnh ký tên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A10 so với chữ ký của Trần Duy Th trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục “Thủ quỹ” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3; chữ ký phía dưới góc bên phải trên mẫu cần giám định ký hiệu A8 so với chữ ký của Trần Duy Th trên mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 (trừ chữ viết dưới mục “Người nộp tiền” trên cá mẫu cần giám định); phần chữ viết có nội dung: “Xác nhận Cty Lao động XNLD. Công nhận thi tuyển ngày 9/3/2023. Đỗ tuyển Đơn hàng...Trần Duy Th.” trên mẫu cần giám định ký hiệu A7; “Cty TNHH: Xác nhận.phó tổng giám động cty lao động tại hàn xác nhận MS: 034084015809. Đã đầy đủ hồ Sơ...Trần duy Th” trên mẫu cần giám định ký hiệu A9; chữ viết từ dòng thứ 3 đến dòng thứ 18 tính từ trên xuống dưới trên mẫu cần giám định ký hiệu A11 so với chữ viết của Trần Duy Th trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra” (bút lục số 168, 169).

Cáo trạng số 59/CT-VKSTB ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Trần Duy Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa;

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Trần Duy Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;
+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/6/2023.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố

tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Trần Duy Th tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, của người làm chứng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Mặc dù bị cáo Trần Duy Th không có chức năng, nhiệm vụ đưa người đi nước ngoài lao động, nhưng do cần tiền để chi tiêu, bị cáo Th đã đưa ra thông tin gian dối mình là Phó Tổng Giám đốc Công ty Hoàng Long, có địa chỉ tại thành phố Hà Nội chuyên đưa người đi lao động ở các nước như Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, bị cáo Trần Duy Th yêu cầu anh Nguyễn Văn Tr và chị Vũ Thị Hồng H1 đưa cho mình 115.000.000 đồng để làm thủ tục cho anh Tr, chị H1 đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc, sau đó chiếm đoạt để trả lương cho công nhân và chi tiêu cá nhân hết.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác - là khách thể được pháp luật hình sự bảo hộ, mặc dù bị cáo là người có đầy đủ lực hành vi dân sự nhưng bị cáo không chịu khó lao động, kiếm tiền một cách chính đáng mà lại lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin, thiếu hiểu biết của người khác để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của họ, các bị hại là người có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, còn phải vay mượn để có tiền đưa cho bị cáo. Điều đó cho thấy bị cáo bất chấp pháp luật, bất chấp đạo đức, cố tình thực hiện vi phạm chiếm đoạt tài sản của người khác; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ làm cho nhiều gia đình lâm vào hoàn cảnh khánh kiệt về kinh tế mà gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương.

[4] Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

[5] Hành vi của bị cáo Trần Duy Th đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì thấy:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại viết đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về mức hình phạt chính và biện pháp chấp hành hình phạt:

Trên cơ sở xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời để cũng để phục vụ công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm song cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Vũ Thị Hồng H1 là 115.000.000 đồng được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Duy Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Trần Duy Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/6/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Vũ Thị Hồng H1 toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 115.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Duy Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Duy Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2023; các bị hại là anh Tr, chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Cơ quan An ninh Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo (trại giam);
- Bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiệu Minh Quỳnh

Nguyễn Thị Thêu

Nguyễn Thị Lan Anh

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lan Anh